

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Trương Thanh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý, ông Phạm Hoàng N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Võ Văn C, sinh ngày 01/01/1992, tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Thuyền trưởng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T và bà Lý Kim T1; Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Ngọc Á, Ôn Thị Thùy T2, Trần Huy V, Vũ Văn Đ, Lê Thế A, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh P, Trần Minh T3; Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2023, Võ Văn C thỏa thuận thuê phương tiện xà lan số đăng ký ĐT-251.41 của ông Nguyễn Ngọc Á, do bà Ôn Thị Thùy T2 (vợ ông Á) đứng tên chủ sở hữu, với giá 50.000.000 đồng/01 tháng, không làm hợp đồng. Khi giao phương tiện và các giấy chứng nhận liên quan, C kiểm tra có các loại giấy tờ trong cabin. Sau đó, C ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt Công ty X) vận chuyển cát từ mỏ xã P B về công trình cao tốc Cần Thơ-Hậu Giang với số tiền 100.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 02 năm 2024, Công ty X, ký hợp đồng với nhiều xà lan khác có trọng tải lớn hơn, số tiền bằng với xà lan của C. Sợ bị cắt hợp đồng, nên C đặt làm giấy tờ giả Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 175/ĐK-2018 và Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 00625/23V65 trên nền tảng quảng cáo của ứng dụng Z (không nhớ tên tài khoản) với giá 1.000.000 đồng, khoảng 03 ngày sau nhận được giấy chứng nhận giả. Đến ngày 09 tháng 3 năm 2024, C lấy cát tại mỏ cát xã P B vận chuyển về công trình cao tốc Cần Thơ-Hậu Giang, khi đến thủy phận thuộc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, Phòng C1, Công an tỉnh Đ phát hiện phương tiện xà lan chở cát của C điều khiển quá vạch dầu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô, nên yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra. Quá trình kiểm tra lực lượng Công an phát hiện giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường là giấy tờ giả. Xét thấy có dấu hiệu của tội phạm, nên Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đ kiến nghị khởi tố và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 00625/23V65 do Chi cục Đăng kiểm H1 cấp ngày 06/12/2023, có giá trị đến ngày 19/11/2024; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 175/ĐK-2018 do Sở G cấp ngày 12/9/2018 (đều là giả) do C xuất trình khi bị lực lượng Công an kiểm tra.

- Số tiền 12.000.000 đồng, Công khai nhận từ khi nhận giấy chứng nhận giả vận chuyển được 02 chuyến, mỗi chuyến 6.000.000 đồng, tự nguyện giao nộp.

- 01 (một) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa KS VR09039499, số 01140/24V67 có giá trị đến ngày 18/3/2025 nơi cấp Chi cục Đăng kiểm A1; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện số Seri ĐT-000175, số 175/ĐK-2018 nơi cấp Sở giao thông vận tải Đồng Tháp, do bà Ôn Thị Thùy T2 đứng tên. 01 (một) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng T2, số 00006163.CC, ngày 05/8/2021 mang tên Võ Văn C. Quá trình điều tra, chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội, nên ngày 30 tháng 9 năm 2024, Cơ quan điều tra trả lại cho C và bà T2.

Kết luận giám định số 355/KL-KTHS, ngày 28/3/2024 của Phòng K, Công an tỉnh Đ, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 175/ĐK-2018 cần giám định ký hiệu A1 và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 00625/23V65 cần giám định ký hiệu A2 đều là giả.

Tại Cáo trạng truy tố số 58/CT-VKSHN ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự (Sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Võ Văn C từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên: Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.000.000 đồng; Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 02 giấy giả.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Xin xem xét tội nhẹ để làm nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo Võ Văn C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa, với giá 1.000.000 đồng. Ngày 09/3/2024, khi tham gia giao thông bị Phòng C1, Công an tỉnh Đ, kiểm tra thì C sử dụng các giấy giả xuất trình. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Võ Văn C phạm “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm...”

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Văn C là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng tài liệu giả là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[6] Về nhân thân: Ngày 03/4/2024, Phòng C1, Công an tỉnh Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi điều khiển phương tiện thủy, chở hàng hóa quá vạch dấu mớm nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô (đã nộp phạt ngày 03 tháng 4 năm 2024). Cho nên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút lại nội dung này của Cáo trạng, không xem là tiền sự của bị cáo trong vụ án này là phù hợp.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, có người thân có công với Cách mạng, nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật như bị cáo.

[10] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền sự, tiền án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an

ninh, trật tự, an toàn xã hội cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[12] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Không có nên không xem xét.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Những vấn đề khác Cáo trạng không đề cập là phù hợp, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Võ Văn C phạm “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28 tháng 11 năm 2024).

Trong thời gian thử thách, giao người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 11 năm 2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú